

Quyết định số: 03/2018/KDTM-GĐT

Ngày 09 tháng 3 năm 2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội
gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Quang;

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Ông Ngô Tiên Hùng;

Ông Vũ Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Thoa - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa: Ông Trần Văn Nhiệm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại “*Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ*” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty cổ phần Vật tư N** (tên viết tắt: A).

Địa chỉ: Số N, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiên D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT- Tổng giám đốc.

Bị đơn: **Công ty cổ phần Tập đoàn V** (tên viết tắt: V).

Địa chỉ: Số T, phường Nguyễn Du, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q, Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn V Hải Phòng (Văn bản ủy quyền số 213/HĐQT-UQ ngày 01/8/2015 của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn V).

NỘI DUNG VỤ ÁN

[a] Ngày 27-7-2011, A ký Hợp đồng bán 5.000 tấn phân bón Ure hạt trong, dạng rời với giá FOB Hải Phòng là 471USD/tấn cho Công ty DREYMOOR FETILIZER OVERSEAS PTELTD trụ sở tại Singapore (BL 165). Để thực hiện Hợp đồng ngoại thương trên đây, A đã ký các Hợp đồng mua phân bón Ure của 06 doanh nghiệp trong nước, với nội dung cơ bản sau đây: “*Qui cách đóng bao: Hàng được gói trong bao bì vỏ bao 2 lớp PP và PE, trọng lượng tịnh 50kg/bao; địa điểm giao hàng: trên phương tiện bên bán tại khu vực Cảng Hải Phòng; Phương thức giao hàng: Hàng giao theo đầu bao tịnh 50kg/bao trên phương tiện bên bán, hàng rách vỡ sẽ qua cân thực tế*” (BL 879).

[b] Ngày 19-8-2011, A ký Giấy yêu cầu giám định số HX3868 (viết tắt “Giấy YCGĐ. HX3868”) yêu cầu Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn V tại Hải Phòng (viết tắt “V-HP”) có nội dung: “Tên hàng: Phân Ure hàng rời (hàng bao rách); số lượng: 5.000 tấn; tên phương tiện vận tải: Tàu AC; nơi đi: Cảng Hải Phòng; nơi đến: Đài Loan; địa điểm giám định: Cảng Hải Phòng; hạng mục yêu cầu: Món nước, Tally (số lượng), chất lượng. Phần cuối Giấy yêu cầu giám định có chữ ký của ông Hoàng Thanh Long đại diện A và xác nhận báo phí 0,3USD/tấn+VAT của đại diện V-HP(BL 258).

Tàu AC đến cảng Hải Phòng từ ngày 20-8-2011 đến ngày 29-8-2011, hàng hóa xếp xuống tàu là Ure đóng trong bao từ các sà lan và ô tô được cẩu qua lan can xuống tàu, sau đó A thu hồi vỏ bao do công nhân xếp dỡ rách vỏ xả hàng đem lên bờ, còn lại là Ure rời nằm trong hầm tàu. Quá trình xếp hàng đều có mặt Chủ phương tiện sà lan, chủ hàng (A), đại diện chủ tàu AC, Giám định viên của V-HP, đại diện cảng Hải Phòng giám sát, ký các văn bản giao nhận, xác nhận (BL 563-603).

[c] Ngày 28-8-2011, V-HP cấp Chứng thư giám định (CT.GĐ) về số lượng số 11C01HX3868-01 có nội dung: “Số lượng thực kiểm: 107.400 bao nguyên vẹn. Khối lượng tịnh: 107.400 bao x 50 kg = 5.370.000 kg. Thời gian giám định từ ngày 20-8-2011 đến ngày 27-8-2011”. Văn bản do Giám định viên Nguyễn Văn B và Nguyễn Quốc M - Phó phòng giám định I, ký tên đóng dấu (BL 260).

[d] Ngày 29-8-2011, V-HP cấp CTGD về số lượng số 11C01HX3868-01 có nội dung: “Số lượng thực kiểm: 109.400 bao nguyên vẹn; thời gian giám định từ ngày 20-8-2011 đến ngày 28-8-2011”. Văn bản do Nguyễn Quốc M - Giám định viên và – Đinh Ngọc Q – Trưởng phòng giám định I, ký tên đóng dấu (BL 261).

[e] Ngày 29-8-2011, V-HP cấp CTGD trọng lượng theo món nước số 11C03HH3871-01 có nội dung: “Người đề nghị: A; tên tàu: AC; tên hàng: Ure dạng rời; giám định đầu ngày 20-8-2011; giám định cuối ngày 29-8-2011; trọng

lượng hàng hóa được xếp lên tàu 5.201,893 tấn”. Văn bản do Trần Hữu X - Giám định viên và Đại phó tàu AC ký tên đóng dấu (BL 263,865).

[f] Ngày 29-8-2011, A ký văn bản số 399/VTNS/CT có nội dung: “Theo kết quả Chứng thư giám định về số lượng số 11C01HX3868-01 ngày 28-8-2011 của quý Công ty thì đến hết ngày 27-8-2011, lượng hàng đã xếp lên tàu trên cơ sở khối lượng ghi trên bao và số lượng bao thực kiểm là 5.370 tấn. Ngày 28-8-2011, lượng hàng Công ty chúng tôi xếp tiếp lên tàu là 100 tấn. Tổng số là 5.470 tấn (1). Tuy nhiên theo kết quả giám định món nước số 11C03HH3871-01 ngày 29-8-2011 của của quý Công ty thì số lượng hàng đã giao lên tàu AC chỉ là 5.201,839 tấn (2). Chênh lệch số lượng (1-2): 268,161 tấn; số tiền tổn thất lên đến gần 3 tỷ đồng. Bằng công văn này, chúng tôi đề nghị quý Công ty cho ý kiến giải quyết về lượng hàng tổn thất trên. Trong trường hợp cần thiết, chúng tôi kính đề nghị quý Công ty tiến hành ngay các biện pháp khẩn cấp để niêm phong hầm hàng và xác định khối lượng hàng dỡ tại cảng đến (Đài Loan). Chúng tôi sẽ trao đổi với người thuê tàu để hỗ trợ việc xác định hàng trên tàu tại cảng đến”. Văn bản do ông Nguyễn Tiến D – Tổng giám đốc ký tên đóng dấu (BL 264).

[g] Ngày 29-8-2011, V-HP ký văn bản số 1018/NVTH-GĐ có nội dung: “...Do không đủ thời gian và điều kiện để làm thủ tục xuất nhập cảnh kịp thời khi tàu đến cảng dỡ hàng nên chúng tôi đề xuất sẽ thuê SGS Đài Loan là một đơn vị giám định có uy tín Quốc tế thay mặt V giám định tại cảng dỡ hàng. Theo yêu cầu của quý Công ty, chúng tôi đã niêm chì hầm hàng. Tại cảng dỡ hàng, SGS sẽ giám định tình trạng niêm chì hầm tàu và nếu người mua hàng tổ chức nhận hàng qua cân thì SGS sẽ tổ chức giám sát quá trình dỡ hàng và thực hiện giám sát khối lượng qua cân, nếu người mua hàng không nhận hàng qua cân thì SGS chỉ giám định khối lượng qua món nước. Nếu quý Công ty tán thành phương án này và không có ý kiến gì thêm trong ngày 30-8-2011 chúng tôi sẽ liên lạc và chính thức yêu cầu SGS”. Văn bản do ông Trần Văn Nguyên - Giám đốc V-HP ký tên đóng dấu (BL 265).

[h] Ngày 30-8-2011, A ký văn bản số 408/KHKD/CT có nội dung: “...Chúng tôi nhất trí với phương án đề xuất của quý Chi nhánh về việc thuê SGS Đài Loan là một đơn vị giám định có uy tín Quốc tế thay mặt V thực hiện giám định khối lượng Ure tàu AC tại cảng dỡ hàng”. Văn bản do ông Nguyễn Tiến D – Tổng giám đốc ký tên đóng dấu (BL 266).

[i] Thông báo kết quả giám định món nước của SGS Đài Loan khối lượng hàng Ure dỡ khỏi tàu AC là 5.202,000MT (BL 133).

Do hai bên không tự giải quyết được tranh chấp nên ngày 26-8-2014 A khởi kiện yêu cầu V phải bồi thường tổn thất hàng hóa 268,121 tấn Ure tương đương 2.749.634.401đ và tiền lãi phát sinh đến ngày 24-6-2015 là 1.443.214.356đồng.

Quan điểm của nguyên đơn A: Căn cứ hợp đồng mua bán Ure, Giấy kiểm nhận hàng với tàu (TR) và Biên bản giao nhận hàng có giám định viên xác nhận 109.400 bao Ure với tổng trọng lượng 5.470.000 kg đã xếp lên tàu AC. CTGD về số lượng số 11C01HX3868-01 ngày 28-8-2011 ghi “Số lượng thực kiểm: 107.400 bao nguyên vẹn. Khối lượng tịnh: 107.400 bao x 50 kg = 5.370.000 kg” phù hợp với Giấy kiểm nhận hàng với tàu (TR) và Biên bản giao nhận hàng. Ngày 28-8-2011, lượng Ure xếp thêm 100 tấn nâng tổng khối lượng hàng đã xếp lên tàu AC là 5.470 tấn, nên A đã thanh toán tiền cho các đơn vị bán hàng như sau: Công ty TNHH Phúc Lộc giao 1.182,250 tấn trị giá 11.231.357.000đ theo Hợp đồng số 46 ngày 28-7-2011 (BL 191). Công ty CP Phú Lợi Đạt giao 2.438,25 tấn trị giá 23.292.885.000đ theo Hợp đồng số 21 ngày 22-7-2011 (BL 358). Công ty TNHH Hoa Phong giao 783,750 tấn trị giá 6.539.362.500đ theo Hợp đồng số 186 ngày 28-7-2011 (BL 1197). Công ty CP Gia Phú giao 187,696 tấn, trị giá 1.783.112.000đ theo Hợp đồng số 45 ngày 28-7-2011 (BL 878). Công ty TNHH Duyên Hải giao 621,254 tấn, trị giá 5.694.038.400đ theo Hợp đồng số 02 ngày 29-7-2011 (BL 405). Công ty TNHH Biên Hòa giao 211,8 tấn, trị giá 2.03.280.000đ theo Hợp đồng số 01 ngày 29-7-2011 (BL 286). Việc V-HP cấp Giấy chứng nhận số lượng căn cứ theo giám định món nước đối với lượng Ure đã xếp lên tàu AC được khách hàng nước ngoài mua là 5.201,839 tấn đã gây thiệt hại cho A là do lỗi của V-HP nên phải có trách nhiệm bồi thường.

Quan điểm của bị đơn V: Trong suốt thời gian tàu AC nhận hàng đều có mặt giám định viên V-HP cùng với đại diện chủ phương tiện (sà lan, ô tô), chủ hàng A, tàu AC và cảng Hải Phòng tham gia giám sát và ký xác nhận về số lượng (Tally) đầu bao Ure xếp lên tàu. Các bao Ure sau khi đưa lên tàu được công nhân cảng rạch bao, xả hàng và A thu hồi vỏ bao. V chỉ có trách nhiệm kiểm đếm số bao lên tàu, không kiểm soát quá trình rạch bao, xả hàng. Hết ca 12h-18h ngày 27-8-2011 số lượng xếp lên tàu là 107.400 bao Ure, cán bộ của A yêu cầu V cấp Giấy chứng nhận về số lượng trên cơ sở trọng lượng ghi trên vỏ bao bì (50 kg/bao) quy ra khối lượng, nên nhân viên của V đã đồng ý với đề nghị này và cấp CTGD về số lượng ngày 28-8-2011 như trên. Ngày 28-8-2011 A xếp thêm 2.000 bao Ure lên tàu và kết thúc làm hàng, ngày 29-8-2011 V đã cấp CTGD về số lượng có nội dung: “Số lượng thực kiểm: 109.400 bao nguyên vẹn”. Theo Giấy YCGĐ.HX3868, ngày 29-8-2011 V cấp CTGD món nước xác định 5.201,839

tấn Ure đã xếp lên tàu. A so sánh giữa CTGD số lượng và CTGD món nước của V có sự chênh lệch 268,161 tấn là do lỗi của V giám định sai yêu cầu bồi thường là không có cơ sở vì: V không cấp CTGD về số lượng hàng giao lên tàu là 5.470 tấn mà chỉ cấp CTGD tạm thời ngày 28-8-2011 có nêu khối lượng 5.370 tấn trên cơ sở khối lượng ghi trên vỏ bao và số lượng bao thực kiểm. A thanh toán tiền hàng cho các đơn vị bán hàng nội địa căn cứ vào các Giấy kiểm nhận hàng của Cảng Hải Phòng (TR) đối chiếu kết quả kết thúc mỗi ca làm hàng tuy có chữ ký của giám định viên V, nhưng đây không phải là CTGD của V. Rủi ro có thể xảy ra nhưng hoàn toàn khác biệt với thiệt hại thuộc lỗi chủ quan của V hoặc thiệt hại do vi phạm quy trình nghiệp vụ, vi phạm pháp luật, nên V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2015/KDTM-ST ngày 24-6-2015, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, Hải Phòng đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc V phải bồi thường cho A số tiền là 2.749.634.401 đồng cộng với khoản tiền lãi phát sinh là 1.443.214.356 đồng. Tổng cộng là 4.192.848.757 đồng.

Ngày 02-7-2015, V kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên.

Ngày 08-7-2015, Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng có Quyết định số 188/QĐ/KNPT-KDTM kháng nghị Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 29/2015/KDTM-PT ngày 30-11-2015, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định: Chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Tập đoàn V; chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần vật tư N (A) kiện đòi Công ty cổ phần Tập đoàn V phải bồi thường thiệt hại 2.749.634.401 đồng và tiền lãi là 1.443.214.356 đồng.

Sau khi xét xử phúc thẩm, A có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 29/2015/KDTM-PT ngày 30-11-2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 19/01/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội ký Quyết định số 01/KNGĐT-VC1-KDTM kháng nghị Bản án phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án phúc thẩm số 29/2015/KDTM-PT ngày 30-11-2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2015/KDTM-ST ngày 24-6-2015 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về tính pháp lý của giao dịch theo Giấy yêu cầu giám định số HX3868 ngày 19-8-2011 (Giấy YCGĐ. HX3868):

Về hình thức: Giấy YCGĐ-HX3868 là văn bản in sẵn theo mẫu được điền nội dung các thông tin cần thiết liên quan đến dịch vụ giám định hàng hóa do đại diện A (khách hàng) yêu cầu và đại diện Vinacontrol (bên nhận dịch vụ) xác lập và ký kết. Giấy YCGĐ-HX3868 được đại diện theo pháp luật của A và Vinacontrol là những doanh nghiệp có tư cách pháp nhân đầy đủ công nhận nên Giấy YCGĐ-HX3868 có giá trị pháp lý về hình thức.

Về nội dung: Giấy YCGĐ-HX3868 nêu đầy đủ những thông tin cần thiết của một Hợp đồng dịch vụ giám định (HĐ.GĐ) có nội dung không trái pháp luật. Cụ thể: Xác định thời gian bắt đầu giám định từ ngày 20-8-2011 cho đến khi kết thúc xếp hàng; xác định phạm vi không gian tiến hành giám định hàng hóa tính từ khi qua lan can của tàu “M/V AC” nằm tại vị trí cầu số 5 “Cảng Hải Phòng”; tên hàng hóa giám định: “phân Ure hàng rời (hàng bao rạch)”, số lượng: “5.000 tấn”, tịnh: “5.000 tấn”; tình trạng hàng hóa: “Hàng rời”; hạng mục yêu cầu giám định: “Món nước, Tally (số lượng), chất lượng”.

Với phân tích trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định Giấy YCGĐ-HX3868 được coi như HĐ.GĐ hợp pháp, có hiệu lực đối với A và Vinacontrol là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét việc thực hiện HĐ.GĐ-HX3868:

[2.1] Xác định về tình trạng hàng hóa: Hàng hóa là phân Ure đựng trong bao ngoài vỏ ghi trọng lượng tịnh 50kg được cần cẩu chuyển từ sà lan/ôtô qua lan can xếp xuống hầm tàu AC, sau đó rạch lấy vỏ bao ra khỏi tàu chỉ để lại phân Ure dạng rời (hạt) trong hầm tàu. Tài liệu có trong hồ sơ xác định trong suốt thời gian xếp hàng tàu AC, giám định viên của V, đại diện của A, chủ phương tiện sà lan giao phân ure lên tàu, đại diện tàu AC, đại diện cảng Hải phòng là đơn vị bốc xếp hàng hóa đều có mặt cùng thống nhất xác lập và cùng nhau ký tên vào các Biên bản xác nhận tình trạng hàng hóa (TR), Biên bản xác nhận thời gian làm hàng (Cagomanifest) đối với từng mã hàng, ca làm hàng. Do vậy, có căn cứ xác định số lượng đầu bao phân Ure được ngoài vỏ bao ghi trọng lượng tịnh 50kg chuyển từ sà lan/ôtô đã chuyển qua lan can tàu tính đến hết ngày 27-8-2011 là 107.400 bao

và hết ngày 28-8-2011 là 109.400 bao, phù hợp với số lượng bao ghi trong nội dung các Chứng thư giám định của V. Theo thỏa thuận của các bên, hầm hàng đã được kẹp chì ngay từ khi kết thúc xếp hàng (ngày 29-8-2011) vận chuyển đến Đài Loan giao hàng (ngày 02-9-2011) trong tình trạng kẹp chì hầm hàng còn nguyên vẹn. Kết quả giám định về mớn nước số 11C03HH3871-01 ngày 29-8-2011 của V xác định: Giám định đầu ngày 20-8-2011, giám định cuối ngày 29-8-2011, trọng lượng hàng hóa được xếp lên tàu 5.201,893 tấn tương đối phù hợp với kết quả giám định mớn nước tại của SGS xác định trọng lượng hàng hóa được dỡ khỏi tàu là 5.202.000 tấn phân Ure dạng hàng rời (chênh lệch nằm trong tỉ lệ hao hụt). Với phân tích trên, có căn cứ xác định hàng hóa phân Ure dạng rời từ khi đưa vào trong hầm hàng của tàu AC cho đến khi được dỡ ra khỏi hầm hàng trong quá trình vận chuyển từ Hải Phòng đi Đài Loan không bị thất thoát, hao hụt.

[2.2] Xác định quyền và nghĩa vụ khi tiến hành giám định:

Có căn cứ xác định A chỉ yêu cầu giám định hàng hóa là “phân Ure hàng rời (hàng rạch bao)” và thực hiện giám định bằng các hạng mục (phương pháp) giám định là: “Mớn nước; Tally (Số lượng); chất lượng”. Để thực hiện đúng nội dung của Giấy YCGĐ-HX3868,V phải tiến hành giám định chất lượng hàng hóa (về kích cỡ hạt, hàm lượng Nitơ và các tiêu chí khác theo quy chuẩn của Hợp đồng mua bán ngoại thương); sử dụng phương pháp kiểm đếm về số lượng (Tally) sau khi rạch vỏ bao xác định có bao nhiêu (hạt) phân Ure dạng rời đã được xếp lên tàu; dùng phương pháp đo “mớn nước” để xác định khối lượng/trọng lượng (tấn/kg) phân Ure dạng hàng rời đã được xếp lên tàu AC.

[3] Xác định trách nhiệm liên quan đến 268,161 tấn phân Ure:

Giấy YCGĐ-HX3868 xác định chỉ có hai chủ thể duy nhất xác lập giao dịch là A và Vinacontrol có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp với nhau, ngoài ra không có thêm chủ thể nào khác. Quan hệ hợp đồng mua hàng của A với 06 doanh nghiệp trong nước đều được xác lập trước ngày 19-8-2011 là độc lập và không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của Vinacontrol theo Giấy YCGĐ-HX3868. Nội dung các hợp đồng mua hàng trên đây của A đều không đề cập đến việc giám định kiểm đếm số lượng ‘bao Ure qua cân’ hay giám định mớn nước để xác định khối lượng/trọng lượng hàng hóa đã giao nhận.

Về nguyên tắc, đối với hàng hóa “dạng rời” (hạt) chỉ có thể giám định về khối lượng/trọng lượng (tấn, kg) bằng phương pháp “qua cân” hoặc đo “mớn nước” (đối với tàu biển, sà lan), không thể giám định về khối lượng/trọng lượng (tấn, kg) bằng phương pháp kiểm đếm (Tally) số lượng từng hạt rời được. Mặt

khác cần xác định khối lượng “tĩnh” là khối lượng hàng hóa được in trên vỏ bao bì của hàng hóa. Đối với hàng hóa là phân Ure dạng hạt có thể bị hòa tan trong nước hoặc tan chảy trong những điều kiện nhất định, nên thường có sự chênh lệch (hao hụt) giữa trọng lượng thực tế với trọng lượng tĩnh ghi trên vỏ bao bì. Do vậy, để xác định chính xác trọng lượng thực của hàng hóa “dạng rời” đóng trong bao bì, những người có kinh nghiệm đều yêu cầu giám định bằng phương pháp “kiểm đếm qua cân” (tĩnh qua cân). Như phân tích trên đây, khối lượng 268,161 tấn phân Ure tranh chấp được xác định là chênh lệch giữa khối lượng “tĩnh” 5.470 tấn phân Ure đóng bao (50kg/bao x 109.400 bao) chuyển qua lan can xuống hầm tàu với kết quả khối lượng 5.202 tấn phân Ure dạng rời sau khi rạch bao theo phương pháp giám định mớn nước là hoàn toàn có thể xảy ra.

Giấy YCGĐ-HX3868 không yêu cầu V giám định khối lượng bằng phương pháp kiểm đếm số lượng phân Ure dạng đóng bao. Tiêu đề của các CTGD số 11C01HX3868-01 ngày 28-8-2011 và CTGD số 11C01HX3868-01 ngày 29-8-2011 đều ghi rõ “Chứng thư giám định về số lượng”, không phải CTGD về khối lượng. Khoản 1 Điều 260 Luật thương mại năm 2005 quy định: “Chứng thư giám định là văn bản xác định tình trạng thực tế của hàng hóa, dịch vụ theo các nội dung giám định được khách hàng yêu cầu”. Đối chiếu quy định trên, Tòa án cấp phúc thẩm xác định việc V kiểm đếm cấp CTGD xác nhận số lượng “109.400 bao Ure nguyên vẹn”; “Khối lượng tĩnh: 107.400 bao x 50kg = 5373.000kg” đều nằm ngoài nghĩa vụ giám định của V theo thỏa thuận trong Giấy YCGĐ-HX3868 và việc cấp CTGD số 11C01HX3868-01 vào ngày 28-8-2011 khi hàng hóa còn đang xếp lên tàu tuy có vi phạm quy trình nghiệp vụ giám định nhưng không làm mất đi khối lượng/trọng lượng phân Ure dạng rời đã xếp trên tàu AC, vì vậy V không phải chịu trách nhiệm đối với 268,161 tấn phân Ure nêu trên.

Với phân tích trên đây, việc Tòa án cấp phúc thẩm quyết định chấp nhận kháng cáo của V; sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/KDTM-ST ngày 24-5-2015 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, Hải Phòng; không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường đối với 268,161 tấn phân Ure của A là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Ngày 08/01/2018, V có Văn bản số 83/KN-VNC đồng ý hỗ trợ một phần thiệt hại với A số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) để ổn định kinh doanh và tiếp tục hợp tác với nhau. Xét thấy, đây là ý chí và thuộc quyền định đoạt của V cần ghi nhận sự tự nguyện này. Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng nghị, sửa Bản án kinh doanh thương mại

phúc thẩm số 29/2015/KDTM-PT ngày 30-11-2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 5 Điều 343; khoản 1 Điều 347 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận một phần kháng nghị số 01/KNGĐT-VC1-KDTM ngày 19/01/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Sửa Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 29/2015/KDTM-PT ngày 30/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Áp dụng Điều 254, Điều 255, Điều 260, Điều 261; điểm b, c khoản 2 Điều 263, Điều 266 và Điều 303 Luật Thương mại; áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần vật tư N (A) kiện đòi Công ty cổ phần Tập đoàn V phải bồi thường thiệt hại 2.749.634.401 đồng và tiền lãi là 1.443.214.356 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện, buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn V thanh toán số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) cho Công ty Cổ phần vật tư N.

3. Công ty cổ phần Tập đoàn V không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại Công ty cổ phần Tập đoàn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2010/4893 ngày 14-7-2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Công ty cổ phần vật tư N phải chịu 112.193.000đ (*Một trăm mười hai triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty cổ phần Vật tư N đã nộp 54.045.000 đ (*Năm mươi tư triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) theo Lệnh chi ngày 10-11-2014 của Công ty cổ phần vật tư N và Lệnh thanh toán ngày 12-11-2014 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng và Kho bạc Nhà nước Ngô Quyền, ghi người thụ hưởng là Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền được trừ vào tiền án phí Công ty cổ phần Vật tư N phải chịu. Công ty cổ phần vật tư N còn phải nộp số tiền án phí là 58.148.000 đ (*Năm mươi tám triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày Công ty Cổ phần vật tư N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Tập đoàn V không thực hiện việc thanh toán thì phải chịu lãi đối với

số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp. Hải Phòng;
- TAND quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, P.HCTP-VP, P.GĐKT II; HSGĐT.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Vinh Quang